

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
về giao thông vận tải hết hiệu lực thi hành 6 tháng cuối năm 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 34/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về giao thông vận tải hết hiệu lực thi hành một phần và Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về giao thông vận tải hết hiệu lực thi hành toàn phần 6 tháng cuối năm 2020 (tính từ ngày 01/7/2020 đến hết ngày 31/12/2020).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Văn Thể**

Phụ lục I
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH MỘT PHẦN
TÍNH TỪ NGÀY 01/7/2020 ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 149/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 01 năm 2021)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-------------------------------|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
| I. LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG | | | | | |
| 1 | Thông tư | Số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm c và d khoản 1 Điều 1; - Điều 3; - Điều 6; - Khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 8; - Điều 10; - Điều 11; - Điều 12 ; - Điều 13; - Điều 14; - Phụ lục V; - Phụ lục IV, VI, VII, IX, X. | Bị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bởi Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung (sau đây gọi tắt là Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014), Thông tư số 14/2015/TT- | 15/11/2020 |

| | | | | | |
|---|----------|---|--|---|------------|
| | | | | BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015) và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam | |
| 2 | Thông tư | Số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không | - Điều 4; - Điều 13; - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT. | Bị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bởi Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung (sau đây gọi tắt là Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 | 15/11/2020 |

| | | | | | |
|---|----------|--|--|---|------------|
| | | | | năm 2014), Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hàng khách bằng đường hàng không (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015) và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam | |
| 3 | Thông tư | Số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 2 Điều 4; - Điểm g khoản 3 Điều 4; - Mẫu CV-1 và QLB-6; - Mẫu QLB-7. | Bị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bởi Điều 3 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung | 15/11/2020 |

| | | | | | |
|---|----------|---|------------------|---|------------|
| | | | | (sau đây gọi tắt là Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014), Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015) và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam | |
| 4 | Thông tư | Số 27/2017/TT-BGTVT ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chất | - Khoản 2 Điều 2 | Bị bãi bỏ hoặc bởi Điều 4 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận | 15/11/2020 |

| | | | | | |
|---|----------|---|----------------------------------|---|------------|
| | | lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không và Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không. | | chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung (sau đây gọi tắt là Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014), Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015) và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam | |
| 5 | Thông tư | Số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng | - Điều 19; - Phụ lục 1, 2, 3. | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không | 15/12/2020 |

| | | | | | |
|---|----------|--|---|--|------------|
| 6 | Thông tư | Số 46/2013/TT-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện chế độ kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không | Khoản 3 Điều 7 | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không | 15/12/2020 |
| 7 | Thông tư | Số 48/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng không | Khoản 2 Điều 10 | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không | 15/12/2020 |
| 8 | Thông tư | Số 43/2017/TT-BGTVT ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện an ninh hàng không | - Khoản 6 Điều 55; - Khoản 4 Điều 56; - Điểm e khoản 1 Điều 56. | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không | 15/12/2020 |
| 9 | Thông tư | Số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | - Khoản 5 Điều 103; - Khoản 5 Điều 104; - Khoản 3 Điều 107. | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 5 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | 15/12/2020 |

| | | | | | |
|------------------------------|-----------|--|--|---|-----------|
| | | quy định chi tiết Chương trình An ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam | | sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không | |
| II. LĨNH VỰC HÀNG HẢI | | | | | |
| 10 | Nghị định | Số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển | <ul style="list-style-type: none"> - khoản 2 Điều 1; - khoản 1 Điều 6; - tên Điều 7; - điểm b, c, d khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 8; - điểm b, c, g, h khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 9; - điểm a khoản 1, điểm d, e, g khoản 2, khoản 3, điểm a khoản 5 Điều 10; - điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 11; - điểm a khoản 4 Điều 12; - điểm b, d, đ khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 13; - điểm b, c, đ, e khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 14; | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua bán, đóng mới tàu biển | 15/9/2020 |

| | | | | | |
|-------------------------------|--------------|--|---|---|-----------|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - điểm a khoản 4 Điều 15; - điểm a khoản 4 Điều 16; - điểm a khoản 4 Điều 20; - khoản 1 Điều 22; - khoản 1 Điều 23; - khoản 1 Điều 24; - khoản 1 Điều 25 - khoản 1 Điều 26 | | |
| 11 | Thông tur | Số 17/2017/TT-BGTVT ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 4 Điều 3; - Điểm a, điểm b, điểm c, điểm d của khoản 1 Điều 4; - Khoản 2 Điều 4; | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 43/2019/TT-BGTVT ngày 07/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2017/TT-BGTVT ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam. | 01/8/2020 |
| III. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ | | | | | |
| 12 | Thông tur | Số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 13; - Điều 14; - Điểm c khoản 2 Điều 19; | Bị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bởi Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/9/2020 của Bộ trưởng Bộ | 15/8/2020 |

| | | | | | |
|--|--|---|---|---|--|
| | | <p>hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p> | <p>- Khoản 3 Điều 21, điểm d khoản 2 Điều 23, điểm d khoản 1 Điều 24.</p> | <p>Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT) và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p> | |
|--|--|---|---|---|--|

| | | | | | |
|----|-------------|---|--|--|-----------|
| 13 | Thông tư | Số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ | Khoản 6, khoản 7 và điểm d, điểm đ khoản 10 Điều 1 | Bị bãi bỏ bởi Điều 2 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT) và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ | 15/8/2020 |
|----|-------------|---|--|--|-----------|

| | | | | | |
|----|-------------|---|---|--|------------|
| 14 | Thông tư | Số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ. | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Điều 3; - Khoản 2 Điều 3; - Khoản 1 Điều 11; - Khoản 2 Điều 14; - Khoản 2 Điều 9. | Bị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bởi Thông tư số 20/2020/TT-BGTVT ngày 17/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa DCND Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ | 31/12/2020 |
| 15 | Thông tư | Số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa | <ul style="list-style-type: none"> - Tên Điều 5; - Điểm b khoản 2 Điều 6; - Điểm b, c khoản 1 Điều 8; - Khoản 2 Điều 10; - Điều 11; - Điểm b khoản 1 Điều 12; - Điều 17; - Điều 20; - điểm a khoản 2 Điều 6, Điều 7, điểm đ khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 10, khoản 6 Điều 18 | Bị sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29/6/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ CHND Trung Hoa | 16/12/2020 |

| IV. LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT | | | | | |
|------------------------|-------------|---|--|---|------------|
| 16 | Thông tư | Số 21/2018/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt | Điều 13 | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 24/2020/TT-BGTVT ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường sắt | 01/12/2020 |
| 17 | Thông tư | Số 24/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về xây dựng biểu đồ chạy tàu và điều hành giao thông vận tải đường sắt | - Khoản 4 Điều 23; - Khoản 4 Điều 24. | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Thông tư số 24/2020/TT-BGTVT ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường sắt | 01/12/2020 |
| 18 | Thông tư | Số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội | Điều 76 | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Thông tư số 24/2020/TT-BGTVT ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường sắt | 01/12/2020 |

| | | | | | |
|------------------------------|----------|--|---|---|------------|
| | | dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt | | | |
| 19 | Thông tư | Số 28/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt, bão; ứng phó sự cố, thiên tai và cứu nạn trong hoạt động đường sắt | Điều 28c | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Thông tư số 24/2020/TT-BGTVT ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường sắt | 01/12/2020 |
| V. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM | | | | | |
| 20 | Thông tư | Số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | - khoản 1 Điều 1; - Điều 2; - Điều 3; | Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Thông tư sửa đổi, | 15/11/2020 |

| | | | | | |
|----|----------|--|---|--|------------|
| | | quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng | - Chương III; - Điều 23; - Điều 27; | bổ sung một số điều của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Đăng kiểm | |
| 21 | Thông tư | Số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Đăng kiểm | Khoản 1, 2, 3, 8, 11, 12 và 15 Điều 1 | Bị bãi bỏ bởi Điều 2 Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Đăng kiểm | 15/11/2020 |

| | | | | | |
|----|-------------|--|--|---|------------|
| 22 | Thông tư | Số 59/2018/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hướng dẫn việc dán nhãn năng lượng đối với xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu | Khoản 4 Điều 12 | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT ngày 16/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm | 15/12/2020 |
| 23 | Thông tư | Số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện cơ giới giao thông đường bộ | - Khoản 6 Điều 12; - Khoản 4 Điều 13; - Khoản 5 Điều 14; | Bị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Điều 2 Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT ngày 16/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm | 15/12/2020 |
| 24 | Thông tư | Số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở hàng 04 bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ | - Khoản 1 Điều 14; - Khoản 4 Điều 20; | Bị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Điều 3 Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT ngày 16/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm | 15/12/2020 |

| | | | | | |
|----|-------------|--|--|--|------------|
| 25 | Thông tư | Số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa | Khoản 8 Điều 17 | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT ngày 16/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm. | 15/12/2020 |
| 26 | Thông tư | Số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế | - Khoản 1 Điều 17; - Khoản 4 Điều 24. | Bị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Điều 5 Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT ngày 16/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm. | 15/12/2020 |
| 27 | Thông tư | Số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới | Khoản 6 Điều 17 | Bị sửa đổi, bổ sung bởi Điều 6 Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT ngày 16/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm | 15/12/2020 |

| | | | | | |
|----|-------------|---|--|---|-----------|
| 28 | Thông tư | Số 25/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa | <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 29 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT; - Mẫu số 31 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT; - Mẫu số 33 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT; - Mẫu số 37 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT; - Mẫu số 38 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT. - Mẫu số 39 | Bị thay thế bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 41/2019/TT-BGTVT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa | 01/7/2020 |
|----|-------------|---|--|---|-----------|

Phụ lục II
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH TOÀN PHẦN
TÍNH TỪ NGÀY 01/7/2020 ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 149/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 01 năm 2021)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|-------------------------------|------------------|--|--|---|-------------------|
| I. LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG | | | | | |
| 1 | Thông tư | Số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2018 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung; | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung (sau đây gọi tắt là Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014), Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | 15/11/2020 |

| | | | | | |
|--|----------|---|---|--|------------|
| | | | | quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015) và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam | |
| II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA | | | | | |
| 2 | Thông tư | Số 73/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 08/2020/TT-BGTVT ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ GTVT Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam | 01/11/2020 |
| 3 | Thông tư | Số 53/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc đấu thầu, đặt hàng sản xuất và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ích quản lý, bảo trì đường thủy nội địa quốc gia thuộc dự toán chi của ngân sách trung ương | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 10/2020/TT-BGTVT ngày 11/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì đường thủy nội địa quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên | 01/7/2020 |

| III. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ | | | | | |
|------------------------|------------|---|--|--|------------|
| 4 | Quyết định | Số 07/2017/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2017 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử tự động không dừng | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg ngày 17/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng | 01/08/2020 |
| 5 | Thông tư | Số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ | 15/7/2020 |
| 6 | Thông tư | Số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ | | |
| 7 | Thông tư | Số 92/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quy trình lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô | | |

| | | | | | |
|------------------------------|-------------|--|--|--|------------|
| 8 | Thông tư | Số 10/2015/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2015 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải bằng xe ô tô | | |
| 9 | Thông tư | Số 49/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về xây dựng, tổ chức và hoạt động của trạm thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 15/2020/ TT-BGTVT ngày 22/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về hoạt động của trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ | 15/9/2020 |
| IV. LĨNH VỰC HÀNG HẢI | | | | | |
| 10 | Thông tư | Số 07/2014/TT-BGTVT ngày 11 tháng 4 năm 2014 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thái Bình và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Thái Bình | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 16/2020/ TT-BGTVT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thái Bình, tỉnh Nam Định và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Thái Bình | 01/10/2020 |
| 11 | Thông tư | Số 46/2018/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2018 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố vùng nước cảng biển thuộc địa | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 16/2020/TT-BGTVT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | 01/10/2020 |

| | | | | | |
|----|----------|---|--|---|------------|
| | | | phận tỉnh Nam Định và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Nam Định | ban hành Thông tư công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thái Bình, tỉnh Nam Định và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Thái Bình | |
| 12 | Thông tư | Số 47/2018/TT-BGTVT ngày 24 tháng 8 năm 2018 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Kiên Giang | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 17/2020/TT-BGTVT ngày 14/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Kiên Giang | 01/10/2020 |
| 13 | Thông tư | Số 09/2014/TT-BGTVT ngày 18 tháng 4 năm 2014 | Thông tư của Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Cà Mau và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Cà Mau | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 17/2020/TT-BGTVT ngày 14/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Kiên Giang | 01/10/2020 |
| 14 | Thông tư | Số 02/2015/TT-BGTVT ngày 25 tháng 02 năm 2015 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 18/2020/TT-BGTVT ngày 14/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước | 01/10/2020 |

| | | | | | |
|----|-------------|---|--|---|------------|
| | | | quản lý của Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh | cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh | |
| 15 | Thông tư | Số 20/2019/TT- BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa, vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 27/2020/ TT-BGTVT ngày 29/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa, vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan Rang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang | 15/12/2020 |
| 16 | Thông tư | Số 02/2015/TT-BGTVT ngày 25 tháng 02 năm 2015 | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 18/2020/ TT-BGTVT ngày 14/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh | 01/10/2020 |